

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt và công bố
Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2023

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 30/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ban hành Quy chế đánh giá, xếp hạng kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định kết quả đánh giá, xếp hạng cải cách hành chính của tỉnh tại Tờ trình số 84/TTr-HĐTĐ ngày 09/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và công bố Chỉ số cải cách hành chính (PARI) và xếp hạng kết quả cải cách hành chính năm 2023 của các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (Phụ lục Chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính năm 2023 kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh, các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ Chỉ số cải cách hành chính năm 2023 để xây dựng và triển khai kế hoạch, biện pháp, giải pháp khắc phục những hạn chế, thiếu sót (cụ thể theo Bảng kết quả chấm điểm của các cơ quan, đơn vị trên Phần mềm Hệ thống quản lý chấm điểm – Bộ chỉ số cải cách hành chính các cấp tỉnh Khánh Hòa); nỗ lực thực hiện tốt hơn công tác cải cách hành chính tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

Căn cứ Chỉ số và xếp hạng kết quả cải cách hành chính, Giám đốc Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc, chỉ đạo xử lý các cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện chưa tốt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban,

ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (VBĐT);
- Bộ Nội vụ (đề b/c - VBĐT);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Khối các cơ quan tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- Ban ĐĐ-KT tỉnh;
- TT Công báo tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công TTĐT CCHC tỉnh;
- Lưu: VT, DL.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tấn Tuân

PHỤ LỤC

Chỉ số và xếp hạng cải cách hành chính năm 2023

(Kèm theo Quyết định số 91 /QĐ-UBND ngày 11/01/2024 của UBND tỉnh)

STT	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ CCHC (%)	XẾP HẠNG CCHC
I	CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC UBND TỈNH				
1	Sở Tài chính	90.00	87.47	97.19	TỐT
2	Sở Nội vụ	96.00	90.38	94.15	TỐT
3	Văn phòng UBND tỉnh	82.50	76.35	92.55	TỐT
4	Thanh tra tỉnh	77.50	70.81	91.37	TỐT
5	Ban Dân tộc	69.75	62.75	89.96	TỐT
6	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	96.00	86.36	89.96	TỐT
7	Sở Thông tin và Truyền thông	96.00	86.07	89.66	TỐT
8	Sở Tư pháp	94.50	84.27	89.17	TỐT
9	Sở Khoa học và Công nghệ	96.00	85.43	88.99	TỐT
10	Sở Công Thương	94.00	82.95	88.24	TỐT
11	Sở Văn hóa và Thể thao	96.00	83.86	87.35	TỐT
12	Sở Ngoại vụ	89.00	76.87	86.37	TỐT
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91.00	78.39	86.14	TỐT
14	Sở Giáo dục và Đào tạo	96.00	82.33	85.76	TỐT
15	Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	95.00	81.33	85.61	TỐT
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	96.00	81.66	85.06	TỐT
17	Sở Y tế	96.00	80.92	84.29	KHÁ
18	Sở Du lịch	94.00	77.37	82.31	KHÁ
19	Sở Giao thông vận tải	95.00	77.28	81.35	KHÁ
20	Sở Xây dựng	95.00	73.45	77.32	KHÁ
21	Sở Tài nguyên và Môi trường	96.00	70.63	73.57	TRUNG BÌNH
II	CÁC CƠ QUAN NGÀNH DỤC				
1	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh	92.50	88.00	95.14	TỐT
2	Kho bạc Nhà nước tỉnh	99.00	94.10	95.05	TỐT
3	Cục Hải quan tỉnh	99.00	91.05	91.97	TỐT
4	Bảo hiểm xã hội tỉnh	99.00	89.80	90.71	TỐT
5	Cục Thuế tỉnh	97.00	85.83	88.48	TỐT
6	Công an tỉnh	100.00	85.07	85.07	TỐT

STT	TÊN CƠ QUAN	ĐIỂM CHUẨN	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CHỈ SỐ CCHC (%)	XẾP HẠNG CCHC
III UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ					
1	UBND huyện Khánh Vĩnh	95.50	88.76	92.94	TỐT
2	UBND thành phố Cam Ranh	95.50	88.04	92.19	TỐT
3	UBND huyện Khánh Sơn	95.50	86.41	90.48	TỐT
4	UBND huyện Vạn Ninh	95.50	85.50	89.53	TỐT
5	UBND thành phố Nha Trang	95.50	82.54	86.43	TỐT
6	UBND huyện Cam Lâm	95.50	81.42	85.26	TỐT
7	UBND thị xã Ninh Hòa	95.50	80.31	84.09	KHÁ
8	UBND huyện Diên Khánh	95.50	79.13	82.86	KHÁ
IV CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP THUỘC UBND TỈNH					
1	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông tỉnh	94.00	89.46	95.17	TỐT
2	Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang	95.00	89.84	94.57	TỐT
3	Ban Quản lý dự án Phát triển tỉnh	94.00	88.81	94.48	TỐT
4	Trường Đại học Khánh Hòa	94.00	88.20	93.83	TỐT
5	Đài Phát thanh và Truyền hình Khánh Hòa	95.00	86.20	90.74	TỐT
6	Trường Cao đẳng Y tế Khánh Hòa	92.00	81.08	88.13	TỐT
7	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh	94.00	81.46	86.66	TỐT

Tổng hợp chung:

STT	Khối cơ quan, đơn vị	Xếp hạng			
		TỐT	KHÁ	TB	YẾU
1	Các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và Ban Quản lý Khu kinh tế Vân Phong	16	4	1	0
2	Các cơ quan ngành dọc cấp tỉnh	6	0	0	0
3	UBND các huyện, thị xã, thành phố	6	2	0	0
4	Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND tỉnh	7	0	0	0
TỔNG CỘNG		35	6	1	0